

Số: 948/CV-BVT

Điện Biên, ngày 28 tháng 6 năm 2024.

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Điện Biên

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên**

Số giấy phép hoạt động: 767/ĐB-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Điện Biên, ngày 22 tháng 06 năm 2023.

Địa chỉ: Tổ 10, phường Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Phạm Tiến Biên.

Điện thoại liên hệ: 02153.827.267

Email (nếu có): bvdktinhdienbien@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng; Bác sĩ: Ngoại khoa, Nội khoa (*Chi tiết tại Phụ lục 1*).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Chuyên khoa I.
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: (*Chi tiết tại Phụ lục 1*);
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*);
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*);
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (*Theo Phụ lục 3 đính kèm*).

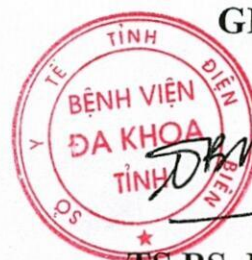
Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD BV;
- Các khoa, phòng, trung tâm BV;
- Lưu: VT, QLCL



GIÁM ĐỐC

TS.BS. Phạm Tiến Biên



PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số: 948/CV-BVT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

I. Đào tạo điều dưỡng chuyên khoa I

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/khoa	Số lượng người học tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	CK 607290	CKI	Điều dưỡng	Điều dưỡng cộng đồng Điều dưỡng Người Cao tuổi	Điều dưỡng cộng đồng Điều dưỡng Người Cao tuổi	Lão Tim mạch	1	5	49	147	0	5

II. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I

2	CK 607207	CKI	Ngoại khoa	Cấp cứu Sản khoa	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý cấp cứu Sản khoa	Sản	2	10	81	243	0	10
				Gây mê hồi sức	Gây mê và hồi sức các bệnh lý ngoại khoa	Gây mê Phẫu thuật	4	20	3	9	0	9
				Hồi sức cấp cứu	Hồi sức Cấp cứu ngoại khoa trước và sau mổ	HSTC&CĐ	2	10	16	48	0	10
						Cấp cứu	2	10	13	39	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/khoa	Số lượng người học tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	CK 607207	CKI	Ngoại khoa	Ngoại cấp cứu bụng Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu	Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý: Ngoại cấp cứu bụng; Ngoại tiêu hóa; Ngoại tiết niệu	Ngoại tổng hợp	5	25	60	180	0	25
				Ngoại chấn thương chỉnh hình Ngoại Bông	Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý chấn thương cơ quan vận động; Ngoại Bông	Chấn thương chỉnh hình - Bông	3	15	60	180	0	15
3	CK 607220	CKI	Nội khoa	Hồi sức cấp cứu	Chẩn đoán, xử trí ban đầu một số cấp cứu nội khoa thông thường	HSTC&CĐ	2	10	16	48	0	10
						Cấp cứu	2	10	13	39	0	10
				Tim mạch	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch	Lão Tim mạch	3	15	49	147	0	15
				Hô hấp Tiêu hóa Tiết niệu Cơ xương khớp	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Cơ xương khớp	Nội tổng hợp	4	20	50	150	0	20
						Nội A	1	5	22	66	0	5
				Ung thư	Khám, chẩn đoán, điều trị bệnh ung thư thường gặp	Ung bướu	2	10	29	87	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/khoa	Số lượng người học tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	CK 607220	CKI	Nội khoa	Thần kinh	Khám, chẩn đoán, điều trị bệnh lý thần kinh thường gặp	Tâm thần kinh	2	10	35	105	0	10

**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/KHOA/GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Tại một thời điểm)**

(Kèm theo Công văn số 948/CV-BVT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rần đạt yêu cầu thực hành
I. ĐÀO TẠO ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA I											
1	Nguyễn Vũ Huyền Anh		Thạc sĩ	Điều dưỡng	002562/ĐB-CCHN	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ.	13	Điều dưỡng cộng đồng Điều dưỡng Người Cao tuổi	Điều dưỡng cộng đồng Điều dưỡng Người Cao tuổi	Lão khoa Tim mạch	49
II. ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA I											
2,1. Ngoại khoa											
1	Phạm Tiến Biên		Tiến sĩ	Ngoại khoa	000457/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại khoa	25	Ngoại cấp cứu bụng Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu	Ngoại cấp cứu bụng Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu	Ngoại tổng hợp	60
2	Lê Quý Tinh		BsCKI	Ngoại khoa	000462/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	32				
3	Hoàng Công Tới		BsCKI	Ngoại khoa	000460/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	13				

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rần đạt yêu cầu thực hành
4	Trần Hoàng		Thạc sĩ	Ngoại khoa	002395/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	9	Ngoại cấp cứu bụng Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu	Ngoại cấp cứu bụng Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu	Ngoại tổng hợp	60
5	Lương Tiến Dũng		Thạc sĩ	Ngoại khoa	002352/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	9				
6	Nguyễn Tiến Triển		Tiến sĩ	Gây mê Hồi sức	0001155/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức	25	Gây mê Hồi sức	Gây mê và hồi sức các bệnh lý ngoại khoa	Gây mê Phẫu thuật	3
7	Lê Nguyên Lượng		BSCKII	Gây mê Hồi sức	000199/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Gây mê hồi sức	27				
8	Phan Hồng Hiệp		Thạc sĩ	Gây mê Hồi sức	0001985/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Gây mê hồi sức	13				
9	Phạm Duy Hoàng		Thạc sĩ	Gây mê Hồi sức	000455/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức	14				
10	Bùi Đức Phương		BsCKII	Ngoại khoa	000196/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	23	Ngoại Chấn thương chỉnh hình Ngoại Bông	Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý chấn thương cơ quan vận động; Ngoại Bông	Chấn thương chỉnh hình - Bông	60
11	Nguyễn Đức Thế		BsCKII	Ngoại khoa	000314/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18				

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rã đạt yêu cầu thực hành
12	Vi Thanh Hải		BsCKI	Ngoại khoa	0001493/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	15	Ngoại Chấn thương chỉnh hình Ngoại Bông	Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý chấn thương cơ quan vận động; Ngoại Bông	Chấn thương chỉnh hình - Bông	60
13	Ngô Thị Nhung		Thạc sĩ	Sản Phụ khoa	000043/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành phụ sản	28	Cấp cứu Sản khoa	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý cấp cứu Sản khoa	Sản	81
14	Vừ Thị Kim Phương		BsCKI	Sản Phụ khoa	000177/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	23				
15	Trần Hải Phong		BsCKII	Hồi sức Cấp cứu	000244/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	31	Hồi sức Cấp cứu	Hồi sức Cấp cứu ngoại khoa trước và sau mổ	Cấp cứu	13
16	Lò Văn Quyết		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000679/ĐB-CCHN; 624/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Khám chữa bệnh hồi sức tích cực cơ bản	11				
17	Nguyễn Thế Dũng		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	000106/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	26	Hồi sức Cấp cứu	Hồi sức Cấp cứu	Hồi sức tích cực và Chống độc	16

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rần đạt yêu cầu thực hành
18	Dương Văn Ninh		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	002398/ĐB-CCHN; 48/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hồi sức tích cực	9	Hồi sức Cấp cứu	Hồi sức Cấp cứu	Hồi sức tích cực và Chống độc	16
2,2, Nội khoa											
1	Trần Hải Phong		BsCKII	Hồi sức Cấp cứu	000244/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	31	Hồi sức Cấp cứu	Chẩn đoán, xử trí ban đầu một số cấp cứu nội khoa thông thường	Cấp cứu	13
2	Lò Văn Quyết		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000679/ĐB-CCHN; 624/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Khám chữa bệnh hồi sức tích cực cơ bản	11				
3	Nguyễn Thế Dũng		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	000106/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	26	Hồi sức Cấp cứu	Chẩn đoán, xử trí ban đầu một số cấp cứu nội khoa thông thường	Hồi sức tích cực và Chống độc	16
4	Dương Văn Ninh		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	002398/ĐB-CCHN; 48/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hồi sức tích cực	9				

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rần đạt yêu cầu thực hành
5	Trịnh Xuân Trường		BsCKII	Nội khoa	000186/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	30	Hô hấp Tiêu hóa Tiết niệu Cơ xương khớp	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Cơ xương khớp	Nội tổng hợp	50
6	Vũ Lan Phương		Thạc sĩ	Nội khoa	000441/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	13				
7	Lê Thị Liễu		BsCKI	Nội khoa	000133/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	21				
8	Nguyễn Huy Tân		Thạc sĩ	Nội khoa	002399/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	9				
9	Trần Thu Hiền		BsCKI	Nội khoa	000461/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội	17	Hô hấp Tiêu hóa Tiết niệu Cơ xương khớp	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Cơ xương khớp	Nội A	22

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rần đạt yêu cầu thực hành
10	Vũ Văn Hải		BsCKII	Nội Tim mạch	000155/ĐB-CCHN; 1196/QĐ-SYT	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội; Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch, siêu âm tim	31	Tim mạch	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch	Lão Tim mạch	49
11	Nguyễn Thị Thúy Hà		BsCKII	Nội Tim mạch	000151/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Tim mạch	21				
12	Đặng Việt Long		Thạc sĩ	Nội Tim mạch	002540/ĐB-CCHN; 59/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội; Siêu âm tim cơ bản	9				
13	Hoàng Thị Minh Nguyệt		BsCKII	Ung thư	000246/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư, giải phẫu bệnh.	28	Ung thư	Khám, chẩn đoán, điều trị bệnh ung thư thường gặp	Ung bướu	29
14	Trần Duy Hùng		Thạc sĩ	Ung thư	002389/ĐB-CCHN; 280/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội; Chuyên ngành ung bướu	10				
15	Lường Văn Long		Thạc sĩ	Thần kinh	000268/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành thần kinh	18	Thần kinh	Khám, chẩn đoán, điều trị bệnh lý thần kinh thường gặp	Tâm thần kinh	35
16	Quảng Thị Khiêm		Thạc sĩ	Nội Thần kinh	001646/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành thần kinh	15				





**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI CÁC KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**
(Kèm theo Công văn số: 948/CV-BVT, ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện đa
khoa tỉnh Điện Biên)

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
PHẦN I. HỆ THỐNG PHÒNG GIẢNG, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG ĐẢM BẢO GIẢNG DẠY		
1	Phòng (Hội trường) giảng lý thuyết có trang bị bàn ghế, hệ thống máy tính, máy chiếu	3
2	Phòng (Giao ban khoa) phục vụ giảng thực hành có trang bị bàn ghế, máy tính	11
3	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện: cho phép truy cập các thông tin của bệnh nhân	1
4	Máy tính bàn đồng bộ sử dụng mạng nội bộ phục vụ giảng dạy	Mỗi khoa 02 bộ
5	Máy in đen trắng phục vụ giảng dạy	Mỗi khoa 02 cái
6	Máy Photocopy phục vụ giảng dạy	2
PHẦN II. TRANG BỊ Y TẾ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU		
I. KHOA CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH - BÔNG		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 Thông số OMNI-III, Infinium, Mỹ	1
2	Bơm tiêm điện TE-SS700, Terumo, Nhật Bản	3
3	Tủ sấy YCO-NO11, Gemmy, Đài Loan	1
4	Bàn kéo nắn bó bột	1
5	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, Ge Healthcare, Mexico	1
6	Bàn mổ đa năng BDZC-1, Jonsocare, Đài Loan	1
7	Bàn mổ UNIVERSAL 300A-1	1
8	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số, Philips, Trung Quốc	1
9	Máy khoan xương YTZJ-B, Hangzhou Zhengda, Trung Quốc	2
II. KHOA NGOẠI TỔNG HỢP		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, Ge Healthcare, Mexico	1
3	Bơm tiêm điện Perfusor Compact Plus, Bbraun, Đức	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
4	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, Ge Healthcare, Mexico	1
III. KHOA GÂY MÊ PHẪU THUẬT		
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi KARL STORZ, Karl Storz, Đức	1
2	Giàn thiết bị mổ nội soi (Kalstorz-Đức), Karl Storz, Đức	1
3	Đèn mổ treo trần ML501, Martin, Đức	1
4	Đèn mổ treo trần ML701, Martin, Đức	1
5	Hệ thống phẫu thuật Phaco CV 7000, Nidek, Nhật Bản	1
6	Máy chụp X-Quang tăng sáng truyền hình Libra C-ARM, Philips, Hà Lan	1
7	Máy rửa tay tiệt trùng	2
8	Máy sát khuẩn ko khí phòng mổ STESYBOX, Tissi Medica, Italia	9
9	Máy nạo xoang BVM, Karl Storz, Đức	1
10	Bơm tiêm điện MS-2200, Daiwha, Hàn Quốc	1
11	Bộ nội soi phẫu thuật TELECAM DX-II, Karl Storz, Đức	1
12	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
13	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số BSM3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
14	Máy tán sỏi ngược dòng Laser ACU-H2C, Accu-Tech, Trung Quốc	1
15	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
16	Bơm tiêm điện TE-SS700, Terumo, Nhật Bản	12
17	Bàn mổ TS-102MP, Takeuchi, Nhật Bản	2
18	Bộ đặt nội khí quản Video cầm tay VLP-100, Daiken, Nhật Bản	1
19	Tủ sấy YCO-NO11, Gemmy, Đài Loan	3
20	Máy hút đờm Clinic Pluc 28194, Gima, Italia	1
21	Bồn rửa tay vô trùng TTP-2WBC, Thành Tín, Việt Nam	1
22	Tay Phaco dùng cho máy mổ Phaco, Nidek, Nhật Bản	1
23	Kính hiển vi phẫu thuật nhãn khoa OM-5, Takagi, Nhật Bản	1
24	Máy khoan sọ đa năng, Karl Storz, Đức	1
25	Dao mổ điện cao tần LTDD350-2K1/03, Cty TNHH Công Nghệ Long Phương, Việt Nam	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
26	Hệ thống gây mê kèm thở CARESTATION 620, Ge Healthcare, Mỹ	1
27	Bộ dụng cụ dùng cho phẫu thuật ngoại khoa	1
28	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, Ge Healthcare, Mỹ	1
29	Hệ thống phẫu thuật nội soi, Karl Storz, Đức	1
30	Tủ Inox đựng dụng cụ phẫu thuật	1
31	Giường cấp cứu đa năng PURO, Stiegemeyer, Đức	1
32	Máy khoan xương điện, Ruijin, Trung Quốc	1
33	Máy gây mê kèm thở ADS II, Infinium, Mỹ	2
34	Máy thở Bellavista 1000, Imt Medical, Thụy Sĩ	2
35	Đèn đọc phim X-Quang MEDVIEW-3F, Đông Á, Việt Nam	1
36	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình đa năng (điện thủy lực) Alvo Etiuda 4-02, Alvo, Ba Lan	1
37	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, Ge Healthcare, Mexico	1
38	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, Chang Gung Medical, Đài Loan	1
39	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, Ge Healthcare, Mỹ	1
40	Máy X quang có cánh tay chữ C BV Endura, Philips, Hà Lan	1
41	Máy thở VINSMART VFS-410, Vinsmart, Việt Nam	2
42	Dao mổ điện cao tần Force FX-8C, Coviden, Mỹ	1
43	Đèn mổ treo trần CHROMOPHARE F628/F628, Berch Told, Đức	1
44	Máy khoan xương điện RJ-PD (ND-2011), Ruijin, Trung Quốc	1
45	Máy thở chức năng cao EVITA V300, Drager, Đức	1
46	Máy kích thích thần kinh cơ Stimuplex HNS 12, Stockert, Đức	2
47	Hệ thống tán sỏi LASER (tán sỏi qua da) ACU-H2J, Accutech, Trung Quốc	1
48	Máy gây mê kèm thở CARESTATION 650, Ge Healthcare, Mỹ	1
49	Bàn mổ (Bàn mổ đa năng điện thủy lực) ALVO ETIUDA 4-02, Alvo, Ba Lan	4
50	Máy gây mê (máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê) CARESTATION 620, Ge Healthcare, Mỹ	2
51	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, Ge Healthcare, Mexico	3
52	Máy thở chức năng cao SERVO-AIR, Maquet Critical Care, Thụy Điển	1

TIN
BỆNH
ĐA K
TỈ

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
53	Máy hút âm Sharp DW-J27FV-S, Sharp, Trung Quốc	1
54	Forceps gấp giữ quang học, Karl Storz, Đức	1
55	Forceps gấp sỏi, Karl Storz, Đức	1
56	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn ánh sáng lạnh, Fienfa, Pakistan	5
57	Kính hiển vi phẫu thuật TMH	1
58	Đèn mổ KL600-I (TQ)	2
59	Đèn mổ KL700\700-II (TQ)	2
60	Máy đo áp lực nội sọ PSO-4000, Sophysa, Pháp	1
61	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (có IBP và EtCO2) BSM-3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	4
62	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có theo dõi độ mê sâu) B125, Critikon de Mexico S. De R.L. De C.V (GE Healthcare), Mexico	1
63	Dao mổ điện cao tần ESU-X300NT, Alsa, Ý	4
64	Đèn mổ treo trần LEDVISION 101, Surgiris, Pháp	4
65	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	2
66	Máy siêu âm đa dụng ALOKA, Aloka, Nhật Bản	1
67	Màn hình y tế chuyên dụng full HD LMD-2435MD, Sony, Nhật Bản	1
IV. KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		
1	Máy siêu âm màu (4D) ACUSON X500, Siemens, Nhật Bản	1
2	Máy X-Quang chụp vú DMX300, Dongmun, Hàn Quốc	1
3	Máy X-Quang thường quy DIG-525, Dongmun, Hàn Quốc	1
4	Máy X-Quang di động DM-200 MR, Dongmun, Hàn Quốc	1
5	Máy Chụp X-quang Di Động MobileArt ECO MUX-10, Shimadzu, Nhật Bản	2
6	Hệ thống X-Quang kỹ thuật số DR Essenta, Philips, Đức	1
7	Máy chụp cắt lớp vi tính Brilliance 6, Philips, Mỹ	1
8	Máy siêu âm Logiq F6, Ge Healthcare, Trung Quốc	1
9	Hệ thống chuyển đổi kỹ thuật số ICR 3600 + 08 Cái Cassette&phosphor Plate kèm theo, Icrco, Mỹ	1
10	Cassette&phosphorPlate (14 x 17) inch, Icrco, Mỹ	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
11	Cassette&phosphorPlate (10 x 12) inch, Icrco, Mỹ	1
12	Máy siêu âm ACUSON X300PE, Siemens, Hàn Quốc	1
13	Máy siêu âm Doppler màu ACUSON X300 PE, Siemens, Hàn Quốc	1
14	Dụng cụ gắn kim sinh thiết MG1522	1
15	Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính 16 dãy Somatom go.Now, Siemens, Trung Quốc	1
16	Bóng XQ dunlee CTR 2150 của máy Phillip Brilliance 6 (Thay vào Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính 16 dãy)	1
17	Hệ thống chụp X_Quang kỹ thuật số(DR2) X-CONTROL, Control Medical, Mỹ	1
18	Máy in phim X-quang Drystar 5302, Agfanv, Đức	1
19	Máy hút ẩm công nghiệp Fujie HM-1500D, Fujie, Trung Quốc	1
20	Máy hút ẩm công nghiệp Fujie HM-1500D, Fujie, Trung Quốc	1
21	Máy hút ẩm Fujie HM-950EC, Fujie, Trung Quốc	3
22	Bộ cần chụp tử cung vòi trứng	1
23	Máy siêu âm xách tay 3 đầu dò Versana Active, GE Medical Systems (China) Co, Ltd, Trung Quốc	1
24	Máy X quang di động (Hệ thống máy X-quang di động cao tần) Mux-10, Shimadzu Corporation, Nhật Bản	2
25	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò) Arietta 50 (phiên bản Arietta 50LE), Fujifilm Healthcare, Nhật Bản	2
26	Máy siêu âm màu 2 đầu dò Versana Balance, GE Medical Systems (China) Co, Ltd, Trung Quốc	1
V. KHOA CẤP CỨU		
1	Máy phá rung tim TEC-7631-C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 Thông số OMNI-III, INFINIUM, Mỹ	1
4	Máy hút dịch hút đờm DF-506B, DOCTOR FRIEND, Đài Loan	1
5	Bơm tiêm điện TE-331, TERUMO, Nhật Bản	2
6	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	4
7	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	6
8	Bộ đặt nội khí quản video cầm tay VLP-100, DAIKEN MEDICAL, Nhật Bản	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
9	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu MX31EMG, BAILIDA, Đài Loan	1
10	Máy hút đờm sách tay ASKIR20, CAMI, Italia	1
11	Máy shock tim TEC5521K, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
12	Máy hút dịch di động 2 bình DF-506L, DOCTOR FRIEND, Đài Loan	3
13	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay, SUMMIT CARE, Đài Loan	2
14	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, GE HEALTHCARE, Mỹ	3
15	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
16	Giường cấp cứu PURO, STIEGELMEYER, Đức	2
17	Máy thở di động HT70PLUS, COVIDIEN, Ireland	2
18	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số SVM-7603, NIHON KOHDEN, Malaysia	1
19	Đèn đọc phim X-Quang MEDVIEW-3F, Đông Á, Việt Nam	1
20	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, CHANG GUNG MEDICAL, Đài Loan	5
21	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, GE HEALTHCARE, Mexico	1
22	Máy thở VINSMART VFS-410, VINSMART, Việt Nam	3
23	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	20
24	Máy thở chức năng cao EVITA V300, DRAGER, Đức	2
25	Máy thở chức năng cao SAVINA 300, DRAGER, Đức	2
26	Máy thở chức năng cao PB840, COVIDIEN, Ireland	1
27	Máy hút dịch áp lực thấp CONSTANT-1400, SANKO MANUFACTURING, Nhật Bản	2
28	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, GE HEALTHCARE, Mexico	3
29	Máy thở chức năng cao SERVO-AIR, MAQUET CRITICAL CARE, Thụy Điển	2
30	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn ánh sáng lạnh, FRIENFA, Pakistan	1
31	Xe tiêm 2 tầng (có 4 ngăn kéo), HANOIMEQPR, Việt Nam	1
32	Xe cáng đẩy Inox SUS 201	1
33	Máy đo áp lực nội sọ PSO-4000, Sophysa, Pháp	1
34	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có IBP) BSM-3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	6

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
35	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	6
VI. KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC VÀ CHỐNG ĐỘC		
1	Máy phá dung tim TEC-7631C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Bộ đặt nội khí quản video cầm tay VPL-100, DAIKEN, Nhật Bản	1
3	Máy khí máu ABL 80 Plex Basic, RADIOMETER, Đan Mạch	1
4	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, GE HEALTHCARE, Mỹ	5
5	Máy thở chức năng cao PB840, COVIDIEN, Ireland	1
6	Máy điện tim 3 cần ECG-1150, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
7	Giường cấp cứu đa năng PURO, STIEGELMEYER, Đức	3
8	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	2
9	Hệ thống monitor trung tâm 18 màn hình đầu giường Carescape Central Station MAS700, GE HEALTHCARE, Mỹ	1
10	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số 18 cái B105, GE HEALTHCARE, Mỹ	1
11	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, CHANG GUNG MEDICAL, Đài Loan	10
12	Máy thở VINSMART VFS-410, VINSMART, Việt Nam	2
13	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	9
14	Máy truyền dịch TE-LF630, TERUMO, Nhật Bản	9
15	Máy thở chức năng cao EVITA V300, DRAGER, Đức	3
16	Máy hút ẩm HM-950EC, FUJIE, Trung Quốc	1
17	Máy thở chức năng cao SERVO-AIR, MAQUET CRITICAL CARE, Thụy Điển	1
18	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	1
19	Tủ Inox đựng dụng cụ	1
20	Xe tiêm 2 tầng (có 4 ngăn kéo), HANOIMEQPR, Việt Nam	1
21	Giường cấp cứu đa năng, 3A, Việt Nam	1
22	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	3
VII. KHOA XÉT NGHIỆM		
1	Bình ủ MEMMERT, MEMMERT, Đức	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
2	Tủ ấm MEMMERT IBN 400, MEMMERT, Đức	1
3	Tủ ấm JEIO TECH, JEIO TECH, Hàn Quốc	1
4	Tủ trữ máu KN-120, NUVE, Bỉ	1
5	Dây truyền ELIZA BIO-RAD, BIO RAD, Nhật Bản	1
6	Máy ly tâm lạnh túi máu SIGMA, SARTORIUS, Đức	1
7	Máy cắt tiêu bản quay tay tự động lõi mẫu vật Finesse325, THERMO, Anh Quốc	1
8	Máy xử lý mô tự động Shandon Citadel 2000, THERMO, Anh Quốc	1
9	Tủ ấm MENMET-INB400, MEMMERT, Đức	2
10	Tủ nuôi cấy vi sinh LCB201V, LABTECH, Hàn Quốc	1
11	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động Vitek2 - Compact, LAB EQUIPMENT, Mỹ	1
12	Máy ly tâm lạnh túi máu CR7N, HITACHI, Nhật Bản	1
13	Máy ly tâm ống máu ROTOFIX32A, HETTICH, Đức	2
14	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin VLS200, VESTFROST, Đan Mạch	1
15	Máy sinh hóa máu tự động Cobas c501, ROCHE, Nhật Bản	1
16	Máy đông máu tự động STA COMPACT MAX, STAGO, Pháp	1
17	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động UA-5800, MINDRAY, Trung Quốc	1
18	Hệ thống định nhóm máu tự động MATRIX GEL-STYTEM, TULIP DIAGNOSTICS, Ấn Độ	1
19	Máy đục bệnh phẩm EC 350-1, ESPECIALI DADES MEDICASMYR, Tây Ban Nha	1
20	Tủ bảo quản huyết tương PDF-530W, EVER MED, Italia	1
21	Máy xét nghiệm huyết học tự động Convergys X5, CONVERGENT, Đức	1
22	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động H800, DIRUI, Trung Quốc	1
23	Máy xét nghiệm tự động Coalab1000, LABITEC, Đức	1
24	Bộ điều tiết điện cho máy xét nghiệm, LIOA, Việt Nam	1
25	Máy phân tích huyết học tự động XN 550, SYSMEX, Nhật Bản	1
26	Máy xét nghiệm HbA1c-MH200, LABONACHECK, Hàn Quốc	1
27	Kính hiển vi hai mắt CX23, OLYMPUS, Trung Quốc	2
28	Module xét nghiệm miễn dịch tự động cobas e601, ROCHE, Nhật Bản	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
29	Bộ nhuộm tiêu bản thủ công, BIO-OPTICA, Italia	1
30	Máy ly tâm ống máu S300T, KUBOTA, Nhật Bản	1
31	Máy hàn dây túi máu TUBE SEALER SE250, CENTRON, Hàn Quốc	1
32	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động MONARCH-1200, BIOREX, Anh Quốc	1
33	Máy xét nghiệm huyết học 33 thông số CELLTAC, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
34	Tủ lạnh âm sâu SGF-S159MBK, FUJIGOLD, Nhật Bản	1
35	Máy phân tích sinh hóa tự động FA-400, CLINDIAG SYSTEMS, Trung Quốc	1
36	Hệ thống Elisa CONVERGENT, CONVERGENT, Đức	1
37	Tủ âm sâu chuyên dụng MDF-U5412-PB, PHCBI, Nhật Bản	1
38	Tủ lạnh trữ máu MBR-305GR-PE, PHCBI, Nhật Bản	1
39	Kính hiển vi điện tử kết nối camera CX23, OLYMPUS, Trung Quốc	1
40	Máy phân tích điện giải tự động Auto ISE500, MTI DIAGNOSTICS, Đức	1
41	Máy hút ẩm Sharp DW-J27FV-S, SHARP, Trung Quốc	2
42	Kính hiển vi sinh học 02 mắt Olympus CX31RBSFA, OLYMPUS, Philippines	1
43	Máy định lượng PCR DTprime 5M1, DNA-TECHNOLOGY, Nga	1
44	Máy tách chiết Acid Nucleic NES-32, ACON, Trung Quốc	1
45	Máy ủ nhiệt khô 2 vị trí và 2 Block nhiệt D1302-230V, LABNET, Trung Quốc	1
46	Máy ly tâm lạnh C2500R-230V, LABNET, Đài Loan	1
47	Máy ly tâm lắng máu D1008, DLAB, Trung Quốc	1
48	Máy lắc trộn đa năng (Vortex Mixer MX-S), DLAB, Trung Quốc	1
49	Pipette các cỡ (Micropipet Mechanical Pipette), DLAB SCIENTIFIC, Trung Quốc YL205AH0123181.	1
50	Tủ thao tác PCR-09, PHUONG HAI, Việt Nam	1
51	Tủ an toàn sinh học cấp 2 BLB12S, PHUONG HAI, Việt Nam	1
52	Tủ lạnh âm sâu DW-25L262, QINGDAO HAIER BIOMED, Trung Quốc	1
53	Máy xét nghiệm nước tiểu Auto-100, MTI DIAGNOSTICS, Đức	1
54	Tủ trữ máu GIANT STAR- BBR300, GIANT STAR, Hàn Quốc	1
55	Nồi hấp TOMY	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
56	Tủ bảo quản hóa chất(SANAKY)	1
57	Bồn rửa mắt di động HAW 7501	1
58	Máy đo khí máu GEM PRIMER 3000, INSTRUMENTATION LABORATORY, Mỹ	1
59	Hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tự động máy Sinh Hóa BS800M, Mindray, Trung Quốc	1
60	Máy xét nghiệm huyết học tự động BC-6200, Mindray, Trung Quốc	1
61	Máy xét nghiệm đông máu HUMACLOT PRO, Human, Đức	1
62	Máy xét nghiệm máu lắng ESR 3000, SFRI, Pháp	1
63	Máy phân tích khí máu EasyBloodgas, Medica, Mỹ	1
64	Máy phân tích điện giải đồ EasyLyte EXPAND, Medica, Mỹ	1
65	Máy xét nghiệm HbA1C AFIAS-6, Boditech, Hàn Quốc	1
66	Máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020, Arkaray, Nhật	1
VIII. KHOA SẢN		
1	Monitor sản khoa FM-9000 Plus, ADVANCED, Mỹ	1
2	Máy siêu âm LOGIQ F6, GE HEALTHCARE, Trung Quốc	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
4	Tủ bảo quản vắc xin VLS200 Green Line, VESTFROST, Đan Mạch	1
5	Monitor sản khoa FM-3000, ADVANCED, Mỹ	1
6	Bàn thủ thuật đa năng, Việt Nam	2
7	Máy theo dõi sản khoa BFM-900, BIONICS, Hàn Quốc	2
8	Máy theo dõi sản khoa BFM-900, BIONICS, Hàn Quốc	1
9	Bồn tắm trẻ sơ sinh BTSS-01, CTY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TIẾN ĐẠT, Việt Nam	1
10	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng Corometric 171, GE HEALTHCARE, Ấn Độ	2
11	Máy soi cổ tử cung AL-106, MEDGYN, Mỹ	1
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa 41 tên dụng cụ, ELCON, Đức	1
13	Bồn rửa tay vô khuẩn (bồn rửa tay phẫu thuật) BR-02C, CTY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TIẾN ĐẠT, Việt Nam	1
14	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	1
15	Máy truyền dịch TE-LF630, TERUMO, Nhật Bản	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
16	Máy siêu âm SSC390, ALOKA, Trung Quốc	1
17	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, GE HEALTHCARE, Mexico	1
18	Máy theo dõi sản khoa AVALON FM20, PHILIPS, Đức	1
19	Bàn mổ sản cấp cứu CC1(TQ)	1
20	Máy soi cổ tử cung star (Mỹ)	1
IX. KHOA UNG BƯỚU		
1	Máy hút dịch/ hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1
2	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
X. KHOA LÃO - TIM MẠCH		
1	Bơm tiêm điện MS 2200, DAIWHA, Hàn Quốc	1
2	Máy hút dịch/ hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1
3	Máy phá rung tim TEC-7631C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	2
5	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	2
6	Holter điện tim EC-3H, LABTECH, Hungary	1
7	Bơm tiêm điện TE-331, TERUMO, Nhật Bản	2
8	Giường đa năng Kozumo	1
9	Máy điện tim 6 cần ECG-1250K, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
10	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, GE HEALTHCARE, Mexico	2
11	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	2
12	Máy holter theo dõi tim mạch (Máy holter điện tim) EC-3H, LABTECH, Hungary	1
13	Holter Huyết áp EC-ABP, LABTECH, Hungary	2
14	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, GE HEALTHCARE, Mexico	1
15	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò) Arietta 50, Fujifilm Healthcare, Nhật Bản	1
XI. KHOA NỘI TỔNG HỢP		
1	Máy hút dịch/ hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
3	Bơm tiêm điện TE-331, TERUMO, Nhật Bản	2
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, GE HEALTHCARE, Mexico	1
5	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	4
6	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
7	Máy Tủ bảo quản thuốc, hóa chất VH-401K, SHARP, Việt Nam	1
XII. ĐƠN NGUYÊN THĂM DÒ CHỨC NĂNG		
1	Máy đo SPO2 cầm tay, SMITHS, Mỹ	1
2	Máy đo độ loãng xương (dòng X-Q) Dexxum, OSTEOSYS, Hàn Quốc	1
3	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
4	Hệ thống nội soi EPK-i5000, PENTAX, Nhật Bản	1
5	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003, SUMMIT CARE, Đài Loan	2
6	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Optera - CV170, OLYMPUS, Nhật Bản	1
7	Máy đo điện não 24 kênh (kỹ thuật số) NS-EEG-D-1, NEUROSTYLE, Singapore	1
8	Máy đo chức năng hô hấp Spirolab, MRI, Italy	1
9	Hệ thống máy điện não kỹ thuật số 16 kênh Hilmed, Hilmed, Mỹ	1
XIII. KHOA NỘI A		
1	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
2	Máy sốc tim TEC-7631C, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	2
4	Bơm tiêm điện TE-SS7700, TERUMO, Nhật Bản	2
5	Xe cáng đẩy Inox SUS 201	1
XIV. KHOA TÂM THẦN KINH		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, GE HEALTHCARE, Mexico	1
3	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	1